

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16-3-2022

V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH KIÊN GIANG

- *THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dũng

2. Bà Phạm Hồng Gái

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị THnh Minh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

Ngày 16 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 300/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Phương H, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số 15 đường T, phường R, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- Bị đơn: Anh Trần Văn S, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số 48/1 ấp M, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/10/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị H trình bày: Năm 2019, chị và anh S tự nguyện đi đền hôn nhân và có đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân phường R, thành phố R, tỉnh Kiên Giang ngày 17/12/2019. Sau khi đăng ký kết hôn, anh chị được hai bên gia đình cho tổ chức đám cưới. Tuy nhiên, khi về chung sống với nhau, anh chị thường xảy ra bất đồng quan điểm, không hòa thuận trong cách sống, sinh hoạt và không nhất quán trong việc làm ăn kinh tế, anh chị đã nhiều lần nói chuyện, chia sẻ với nhau nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn không thể dung hòa được, tình cảm dần dần phai nhạt. Chị H nhận thấy không còn tình cảm với anh S, không thể tiếp tục sống chung được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S. Về con chung, quá trình chung sống anh chị không có con chung nên chị không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn S đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến trình bày tại Tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh S, nhưng anh không có mặt tại Tòa, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh S theo quy định tại khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh S chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường R, thành phố R, tỉnh Kiên Giang ngày 17/12/2019, đó đó hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị H, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình chung sống vợ chồng, giữa chị H và anh S thiếu sự quan tâm, thương yêu và chăm sóc lẫn nhau, khiến cho cuộc sống hôn nhân rạn nứt, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt và làm ăn kinh tế, chị H không còn tình cảm với anh S, hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ quy định tại khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị H về việc cho chị ly hôn với anh S.

[4] Về con chung: Quá trình anh chị chung sống không có con chung, chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị H yêu cầu ly hôn nên căn cứ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị H phải có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51 và khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Phương H ly hôn với anh Trần Văn S.
2. Về con chung: Quá trình anh chị chung sống không có con chung, chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị H đã tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001487 ngày 13/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị H đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi Hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hành án dân sự thì người được thi Hành án dân sự, người phải thi Hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hành án, quyền yêu cầu thi Hành án, tự nguyện thi Hành án hoặc bị cưỡng chế thi Hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi Hành án dân sự; thời hiệu thi Hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn anh S vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Phòng KTNV và Thi Hành án TA tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- UBND phường R;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Nguyễn Thị Tuyết Mai